

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 13- 5 - 2019.

V/v tranh chấp: “Kiện xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - HÀ NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “Kiện xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019.

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều A, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh Đỗ Thanh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm 2 K, xã K, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Tại phiên tòa có mặt chị Kiều A, vắng mặt anh Đỗ Thanh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Đỗ Thanh T kết hôn vào ngày 05/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã K, thành phố P, tỉnh Hà Nam, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi chị Kiều A sinh con đầu lòng được khoảng ba tháng. Thời gian này chị Kiều A đã mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh T cũng ở cùng gia đình chị Kiều A ở thị trấn B, huyện K. Tuy sống cùng gia đình vợ nhưng giữa anh T và gia đình nhà vợ cũng có mâu thuẫn do bản tính ham chơi, không có trách nhiệm trong mọi công việc. Hơn nữa anh T còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Do vậy chị Kiều A đã quyết định sống ly thân. Hai người sống ly thân được khoảng một

tháng sau đó lại cùng chung sống. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc, luôn xảy ra cãi vã vì anh T vẫn không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm cuối năm 2016 chị Kiều A và anh T sống ly thân sáu lần do những mâu thuẫn về kinh tế, về tình cảm. Vì mong muốn cho con có một mái ấm hạnh phúc nên sau nhiều lần ly thân chị Kiều A vẫn quay về chung sống nhưng tính cách và quan điểm sống của anh T không thay đổi nên từ tháng 12/2017 chị Kiều A và anh T đã sống ly thân cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị Kiều A nhận thấy không còn tình cảm gì với anh T, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Văn C, sinh ngày 15/9/2012. Hiện vợ chồng sống ly thân chị Kiều A là người chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Khi vợ chồng ly hôn chị Kiều A có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Văn C, không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản, công nợ chung chung: Chị Kiều A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đỗ Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình không lên tòa để làm việc, vì vậy Tòa án không thu thập được lời khai của anh T.

*** Tại phiên tòa hôm nay:** Chị Nguyễn Thị Kiều A vẫn giữ nguyên quan điểm là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Thanh T. Khi vợ chồng ly hôn chị Kiều A có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Đỗ Văn C và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung chị Kiều A không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Đỗ Thanh T đã được Tòa án thực hiện niêm yết, thông báo hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như không có mặt tại tòa để làm bản khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt các phiên tòa không có lý do.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 35, 39, 68, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/NQ-QH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều A. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Đỗ Thanh T.

2/ Về con chung: Giao cháu Đỗ Văn C cho chị Nguyễn Thị Kiều A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Kiều Anh.

3/ Về tài sản và công nợ chung: Chị Kiều A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Kiều A phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

*** Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều A có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Kiện xin ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xóm 2, K, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

* Về xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Anh Đỗ Thanh T đã được Tòa án thực hiện việc giao, niêm yết và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Đỗ Thanh T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, thành phố P, tỉnh Hà Nam ngày 05 tháng 10 năm 2011 đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều A, Hội đồng xét xử thấy: Cuộc hôn nhân của chị Kiều A và anh T tính đến thời điểm hiện tại có thời gian là tám năm nhưng trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, căng thẳng không thể giải tỏa được. Rất nhiều lần vợ chồng sống ly thân, mỗi lần

khoảng một đến hai tháng và từ tháng 12/2017 đến nay vợ chồng sống mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau nữa. Việc anh T đã biết chị Kiều A đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh chị nhưng anh T cố tình không đến tòa để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải cho thấy anh T cũng không còn tình cảm với chị Kiều A và không quan tâm đến cuộc hôn nhân nữa.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Kiều A và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Kiều A xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Đỗ Thanh T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung cháu Đỗ Vân C, sinh ngày 15/9/2012. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân cháu Đỗ Vân C được chị Kiều A chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện chị Kiều A và cháu Vân C đang có cuộc sống ổn định tại nhà riêng ở tổ 1, phường T, thành phố Phủ Lý tỉnh cảm mẹ con gắn bó. Hơn nữa cháu Vân C là con gái rất cần sự quan tâm chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, anh T được triệu tập nhiều lần song không chấp hành giấy triệu tập của Tòa, không thể hiện quan điểm về việc nuôi dưỡng, chăm sóc và cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Vân C cho chị Kiều A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp, đảm bảo quyền lợi ích chính đáng của con chưa thành niên

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Kiều A không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kiều A không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí ly hôn: Chị Kiều A phải nộp theo quy định pháp luật.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; 144; khoản 4 Điều 147; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 54; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều A và anh Đỗ Thanh T.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Kiều A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Đỗ Văn Chi, sinh ngày 15/9/2012, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Kiều A.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Thị Kiều A được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0001945 ngày 06/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Chị Kiều A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Kiều A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- UBND xã K, TP Phủ Lý;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh